

I. ĐỌC HIỂU: (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Con bò mang tên “Tự Huyền Hoặc Minh

- *Tôi bỏ thuốc lúc nào mà chẳng được. Chỉ là tôi chưa quyết định bỏ đó thôi.*
- *Tôi không phải là người để nước đến chân mới nhảy; chỉ là vì khi có áp lực tôi làm việc mới có hiệu quả.*
- *Tôi chẳng ngại vì mình quá béo. Và lại tôi có nhiều cái khác để người ta yêu.*
- *Không phải tôi hay chửi mắng con cái. Chẳng qua thương thì cho roi cho vọt thôi.*
- *Đâu phải tôi khoái nhậu. Anh đã nghe người ta nói đến việc ăn nhậu để duy trì mối quan hệ xã hội chưa?*

Bạn thấy có một mẫu số chung trong tất cả những phát biểu này chứ? Tất cả chúng đều ru ngủ chúng ta để chúng ta tin rằng mình thật sự chẳng có vấn đề gì cần phải thay đổi, có chăng thì cũng chỉ là chuyện nhỏ, hoặc chuyện ngoài tầm tay. Thường chúng ta đưa ra những lời biện bạch này khi không muốn loại bỏ một thói quen xấu, chẳng hạn như tính hay trì hoãn, nghiện thuốc, nhậu nhẹt hoặc tính háu ăn.

Trước đây, tôi từng nhận được một email của Cathy, một phụ nữ trẻ, kể với tôi cách cô ấy chiến thắng tình trạng béo phì của mình. Để tránh phải giải quyết vấn đề tăng cân, cô ấy bịa ra cả một bầy bò để khỏi cảm thấy xấu hổ về chuyện mập ú của mình. “Mình đâu có mập, chỉ hơi mũm mĩm một chút”, “Đó là do di truyền mà”, “Chỉ tại mình to xương”, “Có phải lỗi của mình đâu, trong gia đình mình ai chẳng to con?”.

Bất hạnh thay, không có lời lẽ nào trong số này là thỏa đáng, và cô vẫn cảm thấy khó sở. Cathy hiểu rằng khi nào còn có người nào hoặc thứ gì đó để cô đổ lỗi cho vấn đề béo phì của mình, cô sẽ không bao giờ có thể giảm cân và lấy lại sự tự tin với vóc dáng thon gọn được. Cuối cùng, cô quyết định hành động.

“Tôi quyết định loại bỏ vĩnh viễn những con bò đó; tôi đi bơi và tập aerobics dưới nước. Tôi ăn uống điều độ hơn, và tôi tin rằng mình sẽ thành công. Tôi cảm thấy khỏe hơn về mặt thể chất và tin sẽ sớm đạt được vóc dáng mình mong muốn”.

Tuyệt vời! Hãy nhớ rằng tất cả những con bò mà tôi đã nêu ra đều có một điểm chung, đó là chúng trói buộc bạn vào một cuộc sống tầm thường. Việc thủ tiêu những con bò bằng sự loại bỏ tất cả những câu nói đó ra khỏi vốn từ ngữ của bản thân, và điều này trong tầm tay bạn. Đây là lựa chọn của chính bạn”.

(Trích "**Ngày xưa có một con bò**" , NXB trẻ, tr. 86-88)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2. Theo tác giả, *điểm chung* của tất cả những **con bò** là gì ? (0,5 điểm)

Câu 3. Hình ảnh **con bò** trong đoạn trích ẩn dụ cho điều gì ? (1,0 điểm)

Câu 4. Từ đoạn trích, hãy tìm **con bò** mà theo em cần loại bỏ khỏi cuộc sống của chính mình? Vì sao? (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2 điểm)

Từ văn bản phần đọc hiểu hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói : *Việc thủ tiêu những con bò bằng sự loại bỏ tất cả những*

câu nói đó ra khỏi vốn từ ngữ của bản thân, và điều này trong tầm tay bạn. Đây là lựa chọn của chính bạn.

Câu 2. (5,0 điểm)

...Hôm nay thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đĩa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.

- Hôm ấy leo lẻo cái mồm hện xuống, thế mà mắt mắt.

À, hẳn nhớ ra rồi, hẳn toét miệng cười.

- Chả hôm ấy thì hôm nay vậy. Nay, hẳn ngồi xuống ăn miếng giầu đã.

- Có ăn gì thì ăn, chả ăn giầu.

Thị vẫn đứng cong cớn trước mặt hẳn.

- Đây, muốn ăn gì thì ăn.

Hắn vỗ vỗ vào túi.

- Rích bố cu, hử !

Hai con mắt trũng hoáy của thị tức thì sáng lên, thị đơn đả :

- Ăn thật nhá ! Ừ ăn thì ăn sợ gì.

Thế là thị ngồi sà xuống, ăn thật. Thị ăn một chặp bốn bát bánh đúc liền chẳng chuyện trò gì. Ăn xong, thị cầm dọc đôi đũa quệt ngang miệng, thở :

- Hà, ngon ! Về chị ấy thấy hụt tiền thì bỏ bố.

Hắn cười :

- Làm đéch gì có vợ. Nay nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về.

Nói thế Tràng cũng tưởng là nói đùa, ai ngờ thị về thật. Mới đầu anh chàng cũng chọn, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn dào bông. Sau không biết nghĩ thế nào hẳn tặc lưỡi một cái :

- Chậc, kệ!

(*Vợ nhặt* – Kim Lân, SGK Ngữ Văn 12, NXB Giáo dục)

Cái đói và tình thương trong đoạn văn bản trên.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN NGỮ VĂN

(Hướng dẫn chấm này có 03trang)

A. Hướng dẫn chung

- Thầy cô giáo cần nắm bắt được nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng *Hướng dẫn chấm* này.
- Trân trọng những bài viết có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25 đ, không quy tròn điểm.

B. Hướng dẫn cụ thể

I. ĐỌC -HIỂU	3,0
1. Phương thức biểu đạt : Nghị luận	0,5
2. Đó là chúng tôi buộc bạn vào một cuộc sống tầm thường	0,5
3. Hình ảnh con bò là những biện minh cho sự trì trệ, lười biếng, cố chấp (thói xấu) của mỗi chúng ta	1,0
4. Thí sinh nêu được ít nhất một <i>con bò</i> đang dần hủy hoại bản thân và giải thích lí do vì sao. Có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau, nhưng về cơ bản, thí sinh phải chỉ rõ được thói xấu đó.	1,0
II. LÀM VĂN	
Câu 1	2,0
1.1/ Yêu cầu chung Thí sinh biết kết hợp kiến thức (sách vở, đời sống) và kĩ năng tạo lập đoạn văn để làm bài. Đoạn văn phải đúng hướng, rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
1.2/ Yêu cầu cụ thể	
a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, song hành hoặc móc xích.	0,25
b. Xác định đúng vấn đề nghị luận : Sự chiến thắng những thói xấu của bản thân – chiến thắng chính mình.	0,25
c. Triển khai vấn đề nghị luận Học sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng cần làm rõ các ý sau : *Giải thích ý kiến: Việc loại bỏ những thói xấu, những trì trệ lạc hậu của bản thân nằm trong khả năng của mỗi người *Bàn luận: - Làm người, vốn chẳng ai hoàn thiện cả, nên việc có những thói hư tật xấu là điều dễ hiểu. Vì vậy, mỗi người cần ý thức rõ ràng sự trì trệ của bản thân để thay đổi - Không ai có thể giúp một người thay đổi ngoài chính bản thân người đó - Phê phán những người cố chấp không chịu nhận khuyết điểm, sai lầm hoặc những người sống thiếu lập trường, bản lĩnh, chấp nhận để phần “	1,0

con” sai khiến. * Bài học và liên hệ bản thân: - Chiến thắng bản thân luôn là chiến thắng hiển hách nhất - Tự trau dồi kiến thức, học tập rèn luyện không ngừng đủ sức vượt lên sự thấp hèn và sẵn sàng đối mặt với những chông gai thử thách.	
d. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
e. Sáng tạo	0,25
Câu 2	5,0
2.1/ Yêu cầu chung: - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tổ chức bài văn nghị luận văn học về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết; không mắc lỗi chính tả, từ ngữ, ngữ pháp.	
2.2/ Yêu cầu cụ thể:	
1/ Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,25
2/ Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Cái đói và tình thương trong đoạn văn bản trên trích Vợ nhặt – Kim Lân	0,5
3/ Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự phân tích sắc sảo và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
a/ Giới thiệu tác giả Kim Lân, tác phẩm Vợ nhặt	0,5
b/ Cái đói : * Thị là nạn nhân của cái đói - Không có đến một cái tên : Nghèo đến mức không có nổi một cái tên, thị trở thành kiểu người phổ biến bị cái đói dồn đến đường cùng, thân phận trở nên rẻ rúng như rơm như rác - Bị cái đói dồn vào thảm cảnh : + “ <i>thị rách quá, áo quần tả tơi như tổ đũa, thị gầy sọp hẳn đi, trên cái mặt lưỡi cày xám xịt chỉ còn thấy hai con mắt.</i> ” + Vội vã, gấp gáp trao cuộc đời mình cho một người đàn ông xa lạ để chạy trốn cái đói + Lời nói, hành động khi gặp Tràng lần thứ 2 vô cùng trơ trẽn, đánh đá. Toàn bộ lời thoại của thị tập trung ở từ <i>ăn</i> , cùng với dáng điệu của đôi mắt, lời từ chối ăn giàu và cả những hành động tội nghiệp khi ăn → Hoàn cảnh xô đẩy khiến có lúc thị đánh mất lòng tự trọng, trở nên chanh chua, cong cớn, trơ trẽn, có phần thô tục: chỉ cần “ <i>bốn bát bánh đúc</i> ”, những câu đùa tầm phào thị chấp nhận làm “vợ nhặt” để chạy trốn cái đói. * Tràng : Dù rất tốt bụng nhưng lúc đầu cũng tỏ ra phân vân, do dự, lo sợ khi quyết định đưa người vợ nhặt về “ <i>Mới đầu anh chàng cũng chợn, nghĩ : thóc gạo này đến cái thân mình cũng chả biết có nuôi nổi không, lại còn đèo bồng</i> ”	1,5
c/ Tình thương : Thể hiện ở hành động và lời nói của Tràng	1,0

+ <i>Hắn vỗ vỗ vào túi.</i> - <i>Rích bố cu, hờ !</i> → Khiến thị yên tâm, tin tưởng rằng hắn có tiền + <i>Hắn tặc lưỡi một cái :</i> - <i>Chắc, kệ!</i> →Curu mang người “vợ nhặt” trong hoàn cảnh đói khát. Quyết định có vẻ giản đơn nhưng chứa đựng tình thương, lòng nhân hậu của con người trong cảnh khốn cùng đồng thời thể hiện niềm khao khát mái ấm gia đình của Tràng. d/ Đánh giá chung - Đoạn đối thoại với ngôn từ dân dã góp phần bộc lộ tính cách, tâm lí nhân vật - Đoạn văn bản rất ngắn nhưng đã thể hiện rõ giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm	0,5
4/ Sáng tạo	0.5
Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	
5/ Chính tả, dùng từ, đặt câu	0.25
Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I + II = 10,0 điểm	

ĐỀ 67	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

...“Những người hời của hí hửng bên chiếc xe cháy trụi, chỉ vài chai dầu ăn, sữa tắm. Gương mặt bất lực ứa nước mắt của một người đàn ông phong trần. Và gương mặt bên lên khi xóm làng vận động người hời của trả lại cho người lái xe số vật phẩm trên.

Những tàn ác, tham lam, ti tiện...cũng giống như rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào. Nhìn ngang, nó dày đặc lắm, tưởng chừng hung hãn lấp kín cả mặt sông. Nhưng nhìn sâu, dưới bề mặt đó là một khối nước khổng lồ gấp bội. Khối nước đó trong veo, cuộn cuộn và miệt mài lao đi, tưới đầm và cho vẫy vùng.

Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa. Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người”...

(Trích *Chuyện anh phụ xe bật khóc vì bị hời của: Nó rất ám ảnh, nhưng cuộc đời này không phải toàn là thứ xấu xa...* Hoàng Xuân. *Tri thức trẻ*, 5/11/2016).

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên. (0,5 điểm)

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: *Những tàn ác, tham lam, ti tiện...cũng giống như rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào* (1,0 điểm)

Câu 3: Hình ảnh *khối nước* trong đoạn trích tượng trưng cho điều gì? (0,5 điểm)

Câu 4: Suy nghĩ của anh/chị về câu: *Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.* (1,0 điểm)

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “*Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa.*”.

Câu 2 (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ khi Tràng nhật được vợ (“Vợ nhật” - Kim Lân).

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
	2	- Biện pháp tu từ: So sánh (<i>Những tàn ác, tham lam, ti tiện... với rêu rác trên bề mặt một con sông đang cuộn trào</i>). - Tác dụng: + Làm tăng giá trị biểu đạt và tính cụ thể cho câu văn + Tạo ấn tượng về những điều ác, điều xấu đang diễn ra tràn lan có thể nhìn thấy một cách rõ ràng, cụ thể.	0,5
	3	Hình ảnh <i>khối nước</i> trong đoạn trích tượng trưng cho lòng tốt và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.	0,5
	4	Câu: <i>Khối nước kia mới thực là nguồn sức mạnh nguyên thủy và vĩnh hằng nuôi dưỡng sự sống, vẽ màu xanh lên bầu trời, nở ra những thảm hoa rực rỡ trong tâm hồn mỗi con người.</i> - Thể hiện niềm tin của tác giả về những điều tốt đẹp vẫn luôn tồn tại trong cuộc đời. - Những điều tốt và lòng tốt của con người sẽ góp phần tô điểm cho cuộc đời luôn tươi đẹp; bồi đắp cho con người những giá trị nhân bản tích cực.	1,0
II		LÀM VĂN	7,0
	1	Viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến được nêu trong đoạn trích ở phần Đọc hiểu: “ <i>Cuộc đời này có chuyện xấu xa, nhưng cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa.</i> ”.	2,0
		a. Yêu cầu chung: - Viết đúng một đoạn văn khoảng 200 chữ - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn; tập trung làm rõ nội dung của đề	0,25
		b. Yêu cầu cụ thể:	
		* Giải thích: - “Chuyện xấu xa” ở đây là <i>những tàn ác, tham lam, ti tiện...những mặt trái của xã hội.</i> - Ý kiến khẳng định: Cuộc đời tuy vẫn có những chuyện xấu xa nhưng vẫn có niềm tin mãnh liệt vào những điều tốt đẹp luôn tồn tại.	0,5
		* Bàn luận: - <i>Cuộc đời này có chuyện xấu xa:</i> Cái xấu, cái ác luôn tồn tại song song cùng với những điều tốt đẹp. Đó là hai mặt của con người và cuộc sống. Ở mỗi con người đều có phần ý chí và bản năng, nếu để phần bản năng chế ngự con người dễ trở nên <i>tàn ác, tham lam, ti tiện...</i> và vì thế sẽ gây ra những chuyện xấu xa cho cuộc đời. - <i>Cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa:</i> Trong cuộc đời này những điều tốt đẹp vẫn luôn tồn tại bởi hướng thiện luôn là khao khát của nhân loại tiến bộ. Khi chứng kiến những chuyện xấu xa hoặc khi làm điều ác, điều xấu con người sẽ ghê sợ, tránh xa, lên án; có cảm giác ăn năn, hối hận. Từ đó mỗi người sẽ luôn đấu tranh với cái ác, cái xấu để loại bỏ nó và luôn đấu tranh với chính mình để vươn tới những	0,75

		điều tốt đẹp. * Bài học nhận thức và hành động: - Mỗi người cần có nhận thức đúng đắn để thấy rằng cái xấu, cái ác có thể vẫn đang hiện hữu nhưng <i>cuộc đời này không hề và chẳng bao giờ toàn là chuyện xấu xa</i>, bởi những điều tốt đẹp luôn được nhân loại giữ gìn, trân trọng.+ - Mỗi người cần có hành động đúng đắn: Lên án, đấu tranh với cái xấu, cái ác và luôn hướng tới những điều tốt đẹp trong cuộc sống.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
II	2.	Cảm nhận của anh/chị về diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ khi Tràng nhật được vợ (“Vợ nhật” - Kim Lân).	5,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Diễn biến tâm trạng bà cụ Tứ khi Tràng nhật được vợ (“Vợ nhật” - Kim Lân).	0,25
		c. Yêu cầu cụ thể: * Giới thiệu tác giả Kim Lân, truyện ngắn <i>Vợ nhật</i> và nhân vật bà cụ Tứ + Kim Lân là nhà văn viết rất ít nhưng viết rất thành công ở lĩnh vực truyện ngắn. Ông được coi là nhà văn “một lòng đi về với đất, với người, với thuần hậu nguyên thủy của cuộc sống nông thôn” (Nguyễn Hồng). + Tiêu biểu cho sự thành công ở lĩnh vực truyện ngắn là tác phẩm <i>Vợ nhật</i> + Bà cụ Tứ là một trong những nhân vật của tác phẩm- một hiện thân của người dân nghèo thời kì khó khăn- diễn biến tâm lí phong phú, tinh tế. *Diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ: - Nêu tình huống nảy sinh tâm lí: éo le, đói khổ cùng cực - Tràng nhật vợ đem về. - Cảm nhận diễn biến tâm trạng của bà cụ Tứ: + Ban đầu, bà ngạc nhiên, bất ngờ • Tràng nghèo, xấu, dân xóm ngụ cư, ko có việc làm ổn định, lại đang trong mùa đói khủng khiếp->ko hiểu người đàn bà trong nhà mình là ai. +Hiểu ra, bà tủi - mừng – thương - lo đan xen, hòa quyện vào nhau • Cái tủi, cái buồn, nỗi ai oán của người mẹ bị dồn vào cảnh nghèo cùng quẫn-> không cưới nổi vợ cho con, để con nhật vợ đem về. •Mừng : con có vợ, có hạnh phúc. • Thương con trai, thương phận con dâu nhật. •Lo vì mùa đói, sợ không vượt qua được. Bà lão nghĩ đến ông lão, đến đứa con gái út, đến cuộc đời cực khổ dằng dặc của mình-> pháp phông cho tương lai và hạnh phúc của vợ chồng Tràng. + Niềm tin vào tương lai, vào cuộc sống •Khuyên mong, động viên, gieo niềm tin cho vợ chồng Tràng bằng câu triết lí nhân gian “ai giàu ba họ, ai khó ba đời?” •Thức dậy niềm tin tươi sáng vào sự đổi đời trong tương lai: trong bữa cơm ngày đói nói toàn chuyện vui (làm ăn, nuôi gà,...) • Nỗ lực tạo sự thay đổi: xăm xắn quét dọn nhà cửa, sân vườn... => Qua nhân vật bà cụ Tứ, nhà văn thể hiện tình cảnh khốn cùng của người nông dân và đề cao vẻ đẹp của tình mẹ (giàu lòng yêu thương, nhân hậu, bao dung, vị tha,...). - Nghệ thuật	4,0

		+ Trần thuật từ nhiều điểm nhìn: bên ngoài (dáng vẻ, ánh mắt,...), bên trong (suy nghĩ, cảm xúc), chú trọng miêu tả nội tâm nhân vật. +Ngôn ngữ trần thuật tự nhiên, mộc mạc, gần gũi; ngôn ngữ nhân vật thể hiện tính cách nhân vật. *Đánh giá chung: Diễn biến tâm lí bà cụ Tứ góp phần biểu hiện sâu sắc hơn giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm cũng như tài năng của tác giả.	
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0,25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25

ĐỀ 68	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau đây và thực hiện các yêu cầu:

Bạn sẽ thất vọng, tôi có bao giờ thất vọng?

Câu trả lời dĩ nhiên là có.

Thình thoảng tôi cũng ngồi nghĩ sao mình như này như này, mà không có được những thứ như kia. Sao cô này anh nọ có cái đó, mà mình hổng có cái đó v.v.... Và rồi kết quả thì sao? Giữa tình bạn luôn có một bức tường, giữa lòng người luôn có những vết thương, và chẳng làm bạn được bao lâu mọi thứ cũng lên đường.

Tôi chợt nhớ hình ảnh ngày xưa chúng ta đi học, đôi lúc bạn bè cứ kèn cựa nhau vì một hai con điểm. Có khi đứa này cao điểm hơn, đứa kia vì thế mà buồn khổ suốt tuần. Rồi cứ thế lao vào học, lao vào thi. Sự đố kỵ, ghen tị ở mức độ nhẹ nhàng như vậy thì rất có ích bởi nó là động lực cho mình phát triển. Nhưng ngày xưa khi mọi chuyện xảy ra xong xuôi thì bạn bè vẫn giúp đỡ nhau, vẫn xuống nước để giữ gìn tình cảm của nhau. Còn lớn lên thì khác, trong công ty mà bạn bị ghét, bị đố kỵ, có khi sẽ bị hại cho đến vắng mặt xác ra khỏi công ty vẫn còn ngờ ngác không hiểu sao mình bị vậy. Sự đố kỵ khi vượt qua ngưỡng “động lực”, nó sẽ đi đến một ngưỡng khác là “ích kỉ”. Kể từ khi ích kỉ, chúng ta sẽ đánh mất chính mình và sa đà vào sân hận.

(Trích *Lòng đố kỵ*, Theo *Mim cười cho qua*, Iris Cao – Hamlet

Trương, NXB trẻ 2015, tr.174-175)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo người viết, lòng đố kỵ có ích khi nào?

Câu 3. (1,0 điểm) Tính thuyết phục của văn bản được thể hiện như thế nào?

Câu 4. (1,0 điểm) Hãy loại bỏ lòng đố kỵ theo cách riêng của anh (chị).

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về ý kiến được nêu trong văn bản ở phần Đọc hiểu: “*Kể từ khi ích kỉ, chúng ta sẽ đánh mất chính mình và sa đà vào sân hận*”.

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của anh/chị về sức sống tiềm tàng, sức phản kháng mạnh mẽ của nhân vật Mị trong đêm đông cứu A Phủ (Trích vợ chồng A Phủ, Ngữ văn 12, Tập hai của nhà văn Tô Hoài).

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM

Hướng dẫn chấm này có 4 trang

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Thầy cô giáo cần nắm bắt được nội dung trình bày của học sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng *Hướng dẫn chấm* này.

- Trân trọng những bài viết có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng.

- Điểm lẻ tính đến 0.25đ; điểm toàn bài làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu/ý	Nội dung	Điểm
I. ĐỌC- HIỂU	1	Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận	0,5
	2	Theo người viết, lòng đố kỵ có ích khi ở mức độ nhẹ nhàng (bạn bè kèn cựa nhau vì một hai con điểm rồi lao vào học, vào thi) bởi nó là động lực cho mình phát triển.	0,5
	3	Tính thuyết phục của văn bản được thể hiện: - Kết cấu văn bản rất chặt chẽ, logic. - Dẫn chứng minh họa cho văn bản rất phong phú: Có chuyện xưa – chuyện nay, chuyện người – chuyện mình.	1,0
	4	Thí sinh trình bày suy nghĩ riêng của mình về cách loại bỏ lòng đố kỵ, tránh lặp lại suy nghĩ của người viết trong văn bản. Định hướng những ý sau: - Nhận thức mỗi người luôn có thể mạnh, ưu điểm riêng, có thể được phát huy. - Luôn giữ tinh thần, thái độ học hỏi, cầu thị để không thấy mình kém cỏi trước người khác và cảm thấy ghen ghét với người hơn mình. - Chủ động tìm hiểu để thấu hiểu, yêu thương, chia sẻ....	1,0
II. LÀM VĂN	1	Về ý kiến: “<i>Kể từ khi ích kỉ, chúng ta sẽ đánh mất chính mình và sa đà vào sân hận</i>”	2,0
		<i>a. Đảm bảo thể thức của đoạn văn</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Mức độ nguy hại của lòng ích kỉ	0,25
		<i>c. Nội dung đoạn văn</i>	1,0
		Trên cơ sở những hiểu biết về văn bản thuộc phần Đọc hiểu, thí sinh có thể trình bày suy nghĩ của mình về vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải hợp lí, thuyết phục: - Lòng ích kỉ là gì? - Mức độ nguy hại của lòng ích kỉ (“ <i>Kể từ khi ích kỉ, chúng ta sẽ đánh mất chính mình và sa đà vào sân hận</i> ”): Khi sống ích kỉ, con người ta chỉ biết	

		đến bản thân mình. Khi cố thủ, chỉ biết bản thân, con người ta sẽ đánh mất đi các mối liên hệ với mọi người xung quanh, với thế giới bên ngoài, mọi xúc cảm của một con người cũng sẽ bị tiêu diệt... Con người chỉ tồn tại chứ không sống theo đúng nghĩa của từ này. Khi sống ích kỷ, con người ta sẽ dễ sa vào những điều tiêu cực, xấu xa. Hệ quả là con người sẽ đánh mất mình và sa vào thù hận. - Khẳng định ý kiến đúng và rút ra bài học.	
		d. Sáng tạo: Có quan điểm riêng, suy nghĩ mới mẻ, phù hợp với những chuẩn mực về đạo đức, văn hóa, pháp luật.	0,25
		e. Chính tả: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25
	2	Cảm nhận của anh/chị về sức sống tiềm tàng, sức phản kháng mạnh mẽ của nhân vật Mị trong đêm đông cứu A Phủ (Trích vợ chồng A Phủ, Ngữ văn 12, Tập hai của nhà văn Tô Hoài).	5,0
		1. <i>Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận</i> Có đầy đủ <i>Mở bài</i> , <i>Thân bài</i> , <i>Kết bài</i> . <i>Mở bài</i> giới thiệu được vấn đề; <i>Thân bài</i> triển khai được vấn đề, <i>Kết bài</i> kết luận được vấn đề.	0,5
		2. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>	0,5
		3. <i>Triển khai các luận điểm nghị luận</i> : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày hệ thống các luận điểm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung sau:	3,0
		a/ Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận: Giới thiệu tác giả Tô Hoài, trích đoạn tác phẩm Vợ chồng A Phủ.	0,5
		b/ Cảm nhận về sức sống tiềm tàng, sức phản kháng mạnh mẽ của nhân vật Mị trong đêm cứu A Phủ. -Hoàn cảnh: + Những đêm mùa đông trên núi cao dài và buồn, Mị lắm lỗi, cô độc. + Nhìn A Phủ bị trói đứng, Mị vẫn thản nhiên, vô cảm. -Sự trỗi dậy của sức sống tiềm tàng và hành động phản kháng mạnh mẽ: +Một đêm, khi thấy “một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại của A Phủ	2.0

	”, Mị thức tỉnh, ý thức phản kháng nhen nhóm trong suy nghĩ của Mị: ● Mị nhớ đến cảnh mình bị trói, cảnh người đàn bà bị trói đến chết trong quên lãng, Mị nhận ra tội ác của cha con thống lý. ● Mị nghĩ đến thân phận “làm nhà thống lý” và sự nghịch lý đối với A Phủ. ● Mị nghĩ đến cái chết của A Phủ và quyết định cứu A phủ. + Hành động phản kháng mạnh mẽ, quyết liệt: ● Mị rón rén mà quyết liệt cắt dây trói cứu A Phủ. ● Mị chợt nhận ra “ở đây thì chết mất” và chạy theo A Phủ, cùng A Phủ thoát khỏi kiếp nô lệ ở nhà thống lý, đến với cuộc sống tự do. - Nghệ thuật: nghệ thuật tạo tình huống, miêu tả tâm lý nhân vật, nghệ thuật trần thuật nửa trực tiếp. c.Đánh giá chung + Sức sống tiềm tàng, ý thức phản kháng mạnh mẽ của Mị thể hiện khát vọng sống và khả năng cách mạng ở người lao động. Đây là điều kiện cần để họ thức tỉnh, đến với cách mạng, tham gia đấu tranh giành lấy tự do. + Thể hiện rõ cảm hứng sáng tác, tư tưởng nhân đạo; tài năng nghệ thuật của nhà văn.	0.25
	d. Sáng tạo: Có nhiều cách diễn đạt độc đáo và sáng tạo (viết câu, sử dụng từ ngữ, hình ảnh và các yếu tố biểu cảm,...) ; văn viết giàu cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; có quan điểm và thái độ riêng sâu sắc nhưng không trái với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.	0,5
	e. Chính tả: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,5
	Tổng điểm	10,0

I. ĐỌC - HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu:

Tâm nhìn sự hiểu biết của con người đôi lúc không phải xuất phát từ chỗ đứng mà nó còn do tâm hồn của mỗi con người định đoạt.

Một người anh là phi công nói với tôi: “Em biết không? Anh đã làm chủ được cả bầu trời và đã phóng tầm mắt quan sát được mọi thứ từ trên cao”.

Còn người anh khác làm kiểm lâm thì nói: “Anh bây giờ đang bảo vệ toàn bộ núi non, trùng điệp cùng với muôn loài chim thú”. Cả hai người anh đều nói về công việc của mình với vẻ đầy tự hào. Còn tôi lúc đó tuy còn nhỏ nhưng là một con người kém may mắn do tai nạn đang ngồi trên xe lăn ngày tháng chỉ quẩn quanh với “thế giới” là trong căn nhà nhỏ.

Thấy tôi hàng ngày tỏ vẻ buồn chán, mẹ đã động viên tôi: “Con trai! Mọi việc rồi sẽ qua. Tại sao con không đem bầu trời, đám mây, núi non và mọi thứ mà con nhìn thấy thu vào trong tâm hồn con? Như vậy con sẽ có được nhiều thứ hơn con tưởng”. Tôi ngạc nhiên hỏi: “Tâm hồn của con rộng lớn vậy sao?”

Mẹ hiền từ nói: “Con gốc gác của mẹ! Trên đời chỉ có tâm hồn là có thể lớn và có thể nhỏ. Nó to lớn khi con người ta có tấm lòng độ lượng khoan dung biết thương người như thể thương thân. Nếu con sống được như thế thì tâm hồn có thể chứa đựng được cả trời đất, vạn vật trong đó.

Ngược lại, nó có thể nhỏ khi con người ta sống ích kỷ, hẹp hòi, ghen ghét, đố kỵ, ham danh, háo sắc... biết mình mà không biết người thì đến ngay cả cái kim cũng khó có thể len vào được!”

Quả đúng thật vậy, sau một thời gian chạy chữa và tập luyện tôi đã đi được bằng đôi chân của mình. Ngẫm lại những lời mẹ nói quả thật không sai. Tấm lòng rộng lớn hay nhỏ hẹp đều do tâm hồn mà hình thành. Vì vậy, trong cuộc sống ta nên mở rộng tâm hồn mình ra và sẽ thấy cuộc đời tươi đẹp hơn.

<http://www.baovinhlong.com.vn/the-gioi-tre/201611/trang-viet-xanh-tam-hon-con-nguoi>)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt của văn bản.

Câu 2. Theo tác giả, tại sao nhân vật tôi có tâm trạng buồn chán, còn hai người anh đầy tự hào?

Câu 3. Nêu tác dụng biện pháp nghệ thuật đối lập trong lời nói của người mẹ hiền từ.

Câu 4. Anh/chị có đồng tình hay không với câu nói: Tấm lòng rộng lớn hay nhỏ hẹp đều do tâm hồn mà hình thành. Nêu rõ lí do.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc mở rộng tâm hồn trong cuộc sống con người

Câu 2. (5,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn trích sau:

“Những tấm ảnh tôi mang về, đã được chọn lấy một tấm. Trường phòng rất bằng lòng về tôi.

Không những trong bộ lịch năm ấy mà mãi mãi về sau, tấm ảnh chụp của tôi vẫn còn được treo ở nhiều nơi, nhất là trong các gia đình sành nghệ thuật. Quái lạ, tuy là ảnh đen trắng nhưng mỗi lần ngắm kỹ, tôi vẫn thấy hiện lên màu hồng hồng của ánh sương mai lúc bảy giờ tôi nhìn thấy từ bãi xe tăng hồng, và nếu nhìn lâu hơn, bao giờ tôi cũng thấy người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh, đó là một người đàn bà vùng biển cao lớn với những đường nét thô kệch, tấm lưng áo bạc phết có miếng vá, nửa thân dưới ướt sũng, khuôn mặt đỏ đã nhợt trắng vì kéo lưới suốt đêm. Mụ bước những bước chậm rãi, bàn chân dậm trên mặt đất chắc chắn, hòa lẫn trong đám đông...”

(Trích *Chiếc thuyền ngoài xa* – Nguyễn Minh Châu, SGK Ngữ văn

12, tập 2, NXB Giáo dục, tr 77,78)

....HẾT....

HƯỚNG DẪN CHẤM

A. YÊU CẦU CHUNG

- Giám khảo phải nắm được nội dung trình bày trong bài làm của học sinh, tránh đếm ý cho điểm. Vận dụng linh hoạt *Hướng dẫn chấm*, sử dụng nhiều mức độ điểm một cách hợp lí, khuyến khích những bài viết có cảm xúc, sáng tạo.
- Học sinh có thể làm bài theo nhiều cách nhưng nếu đáp ứng những yêu cầu cơ bản của đề, diễn đạt tốt vẫn cho điểm tối đa
- Điểm bài thi có thể cho lẻ đến 0,25 điểm và không làm tròn.

B. YÊU CẦU CỤ THỂ:

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC – HIỂU	3,0
	1	Phương thức biểu đạt của văn bản là : <i>Tự sự, nghị luận</i>	<i>0,5</i>
	2	Theo tác giả: - <i>Nhân vật tôi có tâm trạng buồn vì: hồi nhỏ nhân vật tôi bị tai nạn phải ngồi trên xe lăn và suốt ngày chỉ quẩn quanh trong nhà.</i> - <i>Hai người anh đầy tự hào vì họ có thể làm được nhiều việc to lớn. Một người anh là phi công tự hào vì đã làm chủ được cả bầu trời ... Còn người anh khác làm kiểm lâm tự hào vì bảo vệ toàn bộ núi non, trùng điệp cùng với muôn loài chim thú.</i>	<i>0,5</i>
	3	-Tác dụng biện pháp nghệ thuật đối lập trong lời nói của người mẹ hiền từ. + Biểu hiện biện pháp nghệ thuật đối lập trong lời nói của người mẹ hiền từ: tâm hồn là có thể lớn và có thể nhỏ; tấm lòng độ lượng khoan dung biết thương người-sống ích kỷ, hẹp hòi, ghen ghét, đố kỵ, ham danh, háo sắc; trời đất-cái kim. +Tác dụng: làm tăng hiệu quả diễn đạt, đồng thời làm rõ những biểu hiện tâm hồn con người từ cách so sánh, qua đó nhấn mạnh lời khuyên dạy làm người rất có giá trị của người mẹ với con.	<i>1,0</i>
	4	HS có thể đồng tình/không đồng tình/ đồng tình một phần trên cơ sở lập luận chặt chẽ, phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật - Khẳng định đồng tình/không đồng tình/ đồng tình một phần (0.25) - Trình bày ngắn gọn nguyên nhân (0.75) Gợi ý: Trường hợp đồng tình. Xuất phát từ những nguyên nhân sau: Trong một con người, thể xác và tâm hồn luôn có quan hệ mật thiết với nhau. Tâm hồn là thế giới bên trong, vô cùng phong phú và phức tạp. Nó tác động đến nhận thức, tình cảm, suy nghĩ và hành động của con người. Nếu chúng ta luôn sống trong đố kỵ, ganh tị, ích kỉ với	<i>1,0</i>

		mọi người thì tâm hồn chúng ta trở nên hẹp hòi. Còn nếu chúng ta mở rộng tâm lòng mình ra thì sẽ có cái nhìn tích cực, có lối sống lạc quan, có tâm lòng nhân ái...	
II		LÀM VĂN	7,0
	1	<i>Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc mở rộng tâm hồn trong cuộc sống con người.</i>	2,0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng - phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: : ý nghĩa của việc mở rộng tâm hồn trong cuộc sống con người.</i>	0,25
		<i>e. Triển khai vấn đề cần nghị luận:</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ “làm thế nào để có hạnh phúc” trong cuộc sống của mỗi cá nhân. Có thể theo hướng sau: - Mở rộng tâm hồn chính là mở lòng mình ra với mọi người, có tâm lòng độ lượng khoan dung, biết yêu mến quý trọng mọi người, luôn giúp đỡ những người gặp khó khăn, hoạn nạn trong cuộc sống, động viên an ủi họ. - Mở rộng tâm hồn đem đến thái độ sống tích cực cho mỗi người. Đó là cái nhìn lạc quan, yêu đời, tạo nên sức mạnh tinh thần để vượt qua thử thách khó khăn trong cuộc sống; - Mở rộng tâm hồn tạo nên mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với thiên nhiên, giữa con người với con người; - Người biết mở rộng tâm hồn là người biết sống đẹp: sống là cho, là cống hiến, tất sẽ nhận lại hạnh phúc, được mọi người yêu mến, ngưỡng mộ. - Bài học nhận thức và hành động cho tuổi trẻ.	1,0
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.</i>	0,25

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	
	e. <i>Sáng tạo</i> : Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,5

ĐỀ 70	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC – HIỂU (3,0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Cuộc sống của chúng ta ngày nay lệ thuộc quá nhiều vào thói quen, nhiều lúc, ta tưởng như mình bị chính những thói quen điều khiển. Những thói quen ấy và ảnh hưởng của chúng là tích cực hay tiêu cực hoàn toàn phụ thuộc vào chọn lựa của bạn. Bạn có thể chọn cách để tâm trí mình luôn ở thể chủ động, không bị những suy nghĩ u mê khống chế. Bạn cũng có thể thay thế những thôi thúc tiêu cực bằng ý nghĩ tích cực. Nhờ những thói quen tích cực tác động, đầu óc bạn sẽ thêm tỉnh táo, trí tưởng tượng thêm phong phú, lòng nhiệt tình, sự đam mê sẽ thêm cháy bỏng và ý chí sẽ được tiếp thêm sức mạnh.

Thái độ tích cực tạo ra một lực hút lớn đối với những điều tốt đẹp. Tương tự, người sở hữu tinh thần tích cực sẽ có sức cuốn hút người khác bằng chính sự lạc quan, tin yêu vào cuộc sống của mình.

Trên đường đời, ai mà chẳng đôi lần thất bại, nhưng nếu ta luôn vững tin bằng tinh thần lạc quan và tích cực thì ta sẽ không bị nhấn chìm vào cảm giác khổ đau, tuyệt vọng. Chúng ta sẽ không cảm thấy quá căng thẳng, nặng nề khi phải đối diện với hoàn cảnh khó khăn có thể xảy đến bất kỳ lúc nào, để từ đó biết rút ra bài học kinh nghiệm.

Thái độ tích cực luôn tạo nên những phản ứng tinh thần chính xác đối với mỗi tác động bên ngoài. Khi đó, bạn sẽ biết cách suy nghĩ, hành động và có cách cư xử đúng đắn trong mọi hoàn cảnh. Tâm hồn bạn và cuộc sống này là những điều bạn được tùy nghi sử dụng để đem lại ích lợi tuyệt đối cho chính mình. Do đó, sử dụng nó thế nào để đem lại hiệu quả chỉ phụ thuộc vào bạn mà thôi.

Thái độ tích cực giúp bạn suy nghĩ và hành động sáng suốt hơn, luôn biết hướng về một tương lai xán lạn, mà nơi đó ước mơ và khát vọng của bạn có thể trở thành hiện thực. Bất kỳ khó khăn nào của cuộc sống, tiềm ẩn trong nó cũng là cơ hội cho những ai đủ sáng suốt nhận ra. Đúng như triết lý mà Thủ tướng Anh Benjamin Disraeli đã từng phát biểu: “Con người không phải là sản phẩm của hoàn cảnh mà là chủ thể tạo ra hoàn cảnh”.

Một trong những cách giúp bản thân suy nghĩ và hành động tích cực là chọn lấy một động lực thúc đẩy từ nội tâm. Đó có thể là một câu “khẩu hiệu” thật ngắn gọn và ý nghĩa để nhắc nhở bạn bền bỉ thực hành sống tích cực cũng như kiên tâm theo đuổi mục đích đã đặt ra. Khi bạn nhắc đi nhắc lại trong đầu mình một suy nghĩ tích cực, đặc biệt là vào thời điểm phải đối diện với khó khăn, bạn sẽ thêm mạnh mẽ và kiên quyết để vượt qua tất cả nhằm đạt được điều tốt nhất có thể.

(Michael J. Ritt- Chìa khóa tư duy tích cực, Nhà xuất bản trẻ)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Theo tác giả làm thế nào để bản thân có thể suy nghĩ và hành động tích cực?

Câu 3. Anh chị hiểu như thế nào về ý kiến cho rằng “Con người không phải là sản phẩm của hoàn cảnh mà là chủ thể tạo ra hoàn cảnh”?

Câu 4. Anh/ chị có đồng tình với ý kiến cho rằng “Trên đường đời, ai mà chẳng đôi lần thất bại, nhưng nếu ta luôn vững tin bằng tinh thần lạc quan và tích cực thì ta sẽ không bị nhấn chìm vào cảm giác khổ đau, tuyệt vọng”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7 điểm)

Câu 1 (2 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc-hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về việc suy nghĩ tích cực để có thể đạt được điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Câu 2: (5 điểm)

Hỡi đồng bào cả nước,

“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”.

Lời bắt hủ ấy ở trong bản Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ. Suy rộng ra, câu ấy có ý nghĩa là: tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do.

Bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791 cũng nói:

“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi”

Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được.

(Tuyên ngôn Độc lập – Hồ Chí Minh, Ngữ văn 12, tập 1, NXBGD VN, 2018, tr39-40)

Phân tích phần mở đầu bản "Tuyên ngôn Độc lập" để làm nổi bật giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

-----Hết-----

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ ĐÁP ÁN

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
Phần I		Đọc hiểu	3,0
	Câu 1	- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận	0,5
	Câu 2	- Theo tác giả, để bản thân có thể suy nghĩ và hành động tích cực là chọn lấy một động lực thúc đẩy từ nội tâm (có thể là một câu “khẩu hiệu” thật ngắn gọn và ý nghĩa)	0,5
	Câu 3	- Câu “Con người không phải là sản phẩm của hoàn cảnh mà là chủ thể tạo ra hoàn cảnh” được hiểu là: Con người có thể làm chủ bản thân, thay đổi hoàn cảnh, tạo cơ hội cho chính bản thân mình, không lệ thuộc vào hoàn cảnh	1,0
	Câu 4	HS có thể đưa ra quan điểm riêng của mình. Có thể : Đồng tình/Không đồng tình/Vừa đồng tình, vừa không đồng tình. Lí giải hợp lí phù hợp với quan điểm đạo đức và pháp luật. <i>HS đưa ra quan điểm:</i> <i>Lí giải thuyết phục</i>	0,25 0,75
Phần II		Làm văn	7,0

Câu 1	Viết một đoạn văn (<i>khoảng 200 chữ</i>) trình bày suy nghĩ về vai trò, ý nghĩa của suy nghĩ tích cực trong đời sống con người.	2,0
	a. <i>Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, qui nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
	b. <i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Vai trò, ý nghĩa của suy nghĩ tích cực trong đời sống con người.	0,25
	c. <i>Triển khai vấn đề nghị luận</i> * Giải thích: Suy nghĩ tích cực là tư duy theo chiều hướng lạc quan, tin tưởng, nhìn mọi sự, mọi vật, mọi vấn đề luôn luôn thấy cái hay, cái đẹp, cái tốt của vấn đề, thấy được phương hướng, kết quả giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. Nếu thấy cái xấu ta có khả năng biến cái xấu thành cái tốt, luôn luôn hướng đến hành động để làm mọi việc tốt hơn. * Bàn luận - Suy nghĩ tích cực có tác dụng và ý nghĩa quan trọng đối với đời sống tinh thần, định hướng hành động đúng đắn cho mỗi người. Những suy nghĩ tích cực cũng sẽ giúp bạn dễ dàng vượt qua căng thẳng, stress trong cuộc sống hơn Thiếu suy nghĩ tích cực, con người dễ rơi vào trạng thái bi quan, bế tắc. Người nhìn nhận mọi việc với con mắt tiêu cực sẽ gặp trở ngại lớn trong sự nghiệp, vì không dám đương đầu với thách thức cũng như không có niềm tin vào khả năng của bản thân. - Suy nghĩ tích cực giúp bạn tin tưởng vào những điều tốt đẹp ở phía trước, từ đó có thêm động lực để cống hiến hết sức mình với công việc hiện tại và gặt hái thành công - Để có suy nghĩ tích cực, mỗi người cần rèn luyện thói quen tư duy, nâng cao kiến thức, tích cực trải nghiệm, luôn giữ tinh thần lạc quan... - Đa số những người thành công đều có lối sống và tư duy tích cực (lấy dẫn chứng minh họa) * Bài học nhận thức và hành động Hãy học cách suy nghĩ tích cực để tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho bản thân Tránh xa tất cả các ảnh hưởng tiêu cực từ mọi phía, thậm chí từ người thân trong gia đình hay một người bạn thân. Thay đổi suy nghĩ tiêu cực bằng suy nghĩ tích cực dù tình huống có đang bi quan tới mức nào Tập thói quen mỉm cười để làm cho tinh thần thoải mái hơn và hạnh phúc hơn mỗi ngày. Hiểu rằng bản thân cần gì và dành thời gian cho bản thân Hãy nghĩ rằng mình là một người tích cực và bạn rất yêu cuộc sống này	1,0

		*Tổng kết: - Mọi người cần xây dựng cho bản thân quan điểm, suy nghĩ tích cực để thành công trong cuộc sống	
		d. <i>Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. <i>Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
	Câu 2	Phân tích phần mở đầu bản "Tuyên ngôn Độc lập" để làm nổi bật giá trị nội dung tư tưởng và nghệ thuật lập luận của Chủ tịch Hồ Chí Minh.	5,0
		1. Yêu cầu chung - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kĩ năng để viết bài văn nghị luận văn học - Bài viết có bố cục, kết cấu rõ ràng; lập luận thuyết phục; diễn đạt mạch lạc; không mắc lỗi chính tả... - Thí sinh có thể viết theo nhiều cách khác nhau nhưng phải bám sát tác phẩm, kết hợp nhuần nhuyễn các thao tác lập luận.	
		2. Yêu cầu cụ thể	
		a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận (có đủ các phần mở bài, thân bài, kết luận)	0,25
		b. Xác định vấn đề cần nghị luận: – Phân tích để làm nổi bật giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn đầu trong bản Tuyên ngôn độc lập.	0,25
		c. Triển khai vấn đề thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Đảm bảo đúng chính tả và ngữ pháp.	0,25
		1/ Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm, đoạn trích, vấn đề nghị luận.	0,5
		2/ Phân tích đoạn trích để làm nổi bật giá trị nội dung và nghệ thuật:	2,75
		a. Giá trị nội dung của phần mở đầu bản tuyên ngôn: - Phần mở đầu nêu nguyên lí chung làm cơ sở tư tưởng cho bản tuyên ngôn. - Tác giả đã trích dẫn hai bản Tuyên ngôn: Tuyên ngôn Độc lập của Mĩ năm 1776 và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp năm 1791 nhằm: + Khẳng định các quyền lợi cơ bản của con người: Quyền sống, quyền bình đẳng và quyền mưu cầu hạnh phúc. + Nhắc nhở những hành động của bọn đế quốc, thực dân đang đi ngược lại và làm trái với những điều mà đất nước họ từng đồng dục	1,5

	tuyên bố. - Từ việc trích dẫn về quyền con người để làm dẫn chứng, tác giả đã nâng tầm và mở rộng thành quyền dân tộc. - Khép lại phần mở đầu là câu văn chắc nịch đanh thép. Người khẳng định mọi quyền lí lẽ chính đáng của con người, dân tộc là những “lẽ phải không ai chối cãi được”. Đây chính là bức tường pháp lí sừng sững, là tiền đề triển khai toàn bộ nội dung bản Tuyên ngôn Độc lập ở phần tiếp theo. Câu văn này cũng thể hiện tính luận chiến quyết liệt của ngòi bút Hồ Chí Minh. b. Nghệ thuật lập luận: - Cách lập luận của Hồ Chí Minh vừa ngắn gọn, súc tích, vừa khéo léo vừa kiên quyết, lập luận sắc sảo, linh hoạt, sáng tạo và đầy sức thuyết phục. + Khéo léo: Hồ Chí Minh tỏ ra trân trọng những tư tưởng tiên bộ, những danh ngôn bất hủ của người Mĩ, người Pháp... + Kiên quyết: một mặt Hồ Chí Minh khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam dựa trên những chân lí mà người Mĩ và người Pháp đã đưa ra, đồng thời cảnh báo nếu thực dân Pháp tiến quân xâm lược Việt Nam một lần nữa thì chính họ đã phản bội lại tổ tiên của mình, làm nhor bản lá cờ nhân đạo, thiêng liêng mà những cuộc cách mạng vĩ đại của cha ông họ đã dành được + Lập luận sắc sảo, linh hoạt, sáng tạo: lời suy rộng ra của Người mang tư tưởng lớn của nhà cách mạng. Người đã phát triển quyền lợi của con người lên (thành) quyền tự quyết, quyền bình đẳng của các dân tộc trên thế giới. Đây là một đóng góp riêng của tác giả và cũng là của dân tộc ta vào một trong những trào lưu tư tưởng cao đẹp vừa mang tầm vóc quốc tế, vừa mang ý nghĩa nhân đạo của nhân loại trong thế kỉ XX.	1.25
	3. Tổng kết: Qua phần mở đầu "Tuyên ngôn Độc lập", không chỉ thể hiện nội dung tư tưởng cao đẹp mà ta còn thấy văn phong đặc sắc của Hồ Chí Minh: ngắn gọn, súc tích, thấm thía, rung động lòng người, "Tuyên ngôn Độc lập" thực sự là một tuyệt đỉnh nghệ thuật văn chương và lịch sử.	0,5
	d.- Có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo, phù hợp	0,25
	e . Chính tả, đặt câu - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp, tiếng Việt	0,25
	PHẦN I+PHẦN II	10,0

ĐỀ 71	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3,0 điểm)
 Đọc văn bản

*Quay gót trở về một lần với quê hương
Thương lắm anh ơi vẫn vương bao nỗi nhớ
Ký ức tuổi thơ theo năm chờ tháng đợi
Ôm ấp vui buồn theo từng hạt mưa rơi*

*Hãy lại một lần về chốn cũ anh ơi!
Nơi bến sông xưa còn bên bồi bên lở
Lời hẹn năm nào đời này anh còn nợ
Trăn trở đêm buồn trăn trở khúc nhạc xưa*

*Hãy lặng nhớ về mùa hoa bưởi đông đưa
Dáng mẹ liêu xiêu nắng đùa trên mái lá
Có kỷ niệm về mối tình cha thăm đờ
Ru mãi ngọt ngào tuổi thơ đã rời xa*

*Anh hãy quay về mùa cây lúa trở hoa
Cánh đồng vàng ươm tình thương còn chan chứa
Cúm nức gọi đàn tiếng kêu còn dang dở
Điệp khúc quê mình còn đợi mãi tình anh.*

(Quê Hương Hoài Nhớ - Phú Sĩ, Thơ hay viết về quê hương “Tuyển tập thơ nhớ quê nhà và Tuổi thơ”Thiuhuu.com)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. (0,5 điểm) Chỉ ra phương thức biểu đạt chính được dùng trong bài thơ trên.

Câu 2. (0,5 điểm) Theo tác giả, *chốn cũ* trong bài thơ được thể hiện qua những từ ngữ, hình ảnh nào?

Câu 3. (1,0 điểm) Hãy xác định hai phép tu từ và hiệu quả của việc sử dụng phép tu từ trong đoạn thơ sau:

*“Hãy lặng nhớ về mùa hoa bưởi đông đưa
Dáng mẹ liêu xiêu nắng đùa trên mái lá
Có kỷ niệm về mối tình cha thăm đờ
Ru mãi ngọt ngào tuổi thơ đã rời xa”*

Câu 4. (1,0 điểm) Anh(chị) có suy nghĩ gì về câu thơ “*Điệp khúc quê mình còn đợi mãi tình anh*” của tác giả?

II. LÀM VĂN (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung văn bản ở phần Đọc – hiểu, anh(chị) hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về tình yêu quê hương của thế hệ trẻ hiện nay.

Câu 2. (5,0 điểm)

Một ngón tay Tnú bốc cháy. Hai ngón, ba ngón. Không có gì đượm bằng nhựa xà nu. Lửa bắt rất nhanh. Mười ngón tay đã thành mười ngọn đuốc.

Tnú nhắm mắt lại, rồi mở mắt ra, nhìn trừng trừng.

Trời ơi! Cha mẹ ơi! Anh không cảm thấy lửa cháy ở mười đầu ngón tay nữa. Anh nghe lửa cháy trong lồng ngực, cháy ở bụng. Máu anh mặn chát ở đầu lưỡi. Răng anh đã cắn nát môi anh rồi. Anh không kêu rên. Anh Quyết nói: “Người Cộng sản không thèm kêu van...” Tnú không thèm, không thèm kêu van. Nhưng trời ơi! Cháy! Không, Tnú sẽ không kêu! Không!

(Trích Rừng xà nu- Nguyễn Trung Thành, Ngữ văn 12, Tập 2, NXB Giáo dục)

Cảm nhận của anh(chị) về hình tượng nhân vật T’nú trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét khí phách kiên cường, gan dạ qua hình ảnh đôi bàn tay của người cách mạng T’nú trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành.

-----HẾT-----
(Giám thị coi thi không giải thích gì thêm)

HƯỚNG DẪN ĐÁP ÁN CHẤM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3,0
	1	Phương thức chính: Biểu cảm	0,5
	2	Theo tác giả, chốn cũ được thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh: <i>bến sông, khúc nhạc, dáng mẹ, tình cha, mùa lúa trở bông, cánh đồng, tiếng đàn,...</i> (Học sinh nêu được từ 03 hình ảnh trở lên cho điểm tối đa)	0,5
	3	- Hai phép tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: Nhân hóa, ẩn dụ - Hiệu quả: Nhấn mạnh nỗi nhớ về hình bóng người mẹ vì đàn con, tình cảm thấm thiết của người cha dành cho những đứa con yêu quý của mình gọi trong ký ức của tác giả.	1,0
	4	Thí sinh có thể trả lời theo quan điểm của mình. Tuy nhiên cần theo hướng gợi ý sau: Câu thơ thể hiện nỗi nhớ quê nhà của tác giả và những người con xa xứ. Vì cuộc sống mưu sinh nên nhiều người phải tha hương,..từ đó thấy được tình yêu quê hương, đất nước dù ở nơi đâu quê nhà vẫn luôn vắng vắng trong mỗi người.	1,0
II		LÀM VĂN	
	1	Từ nội dung văn bản ở phần Đọc – hiểu, anh(chị) hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) về tình yêu quê hương, đất nước của thế hệ trẻ hiện nay.	2,0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Tình yêu quê hương của thế hệ trẻ hiện nay.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ tác dụng của lối sống sáng tạo. Có thể theo hướng sau: - Giải thích: + Quê hương là nơi sinh ra và lớn lên của mỗi con người + Quê hương, đất nước là một lãnh thổ của dân tộc sống và làm chủ ->Quê hương, đất nước là nơi gắn bó mật thiết của con người ngay từ khi ra đời, quê hương không đơn thuần chỉ là mảnh đất mà còn là nơi chứng kiến mọi vui buồn của cả tuổi thơ đẹp, là nơi ôm ấp, chở che mỗi khi ta vấp ngã trên đường đời,..nơi có cả những người thân, gia đình, bè bạn,.. - Bình luận, phân tích, chứng minh + Không ai sinh ra mà không có một quê hương để nhớ, bởi quê hương là tâm hồn, là máu thịt của mỗi con người chúng ta + Phải có tình yêu quê hương, đất nước vì đó là nguồn cội, là nơi tình cảm gia đình, xóm làng,...nảy nở. Là nơi ta biết quý trọng những giá trị tinh thần lẫn vật chất mà tạo hóa ban tặng. + Với xã hội: Phải biết xây dựng, gìn giữ nét đẹp truyền thống của đất nước, biết xả thân, sẵn sàng hy sinh vì lợi ích chung cho cả dân tộc,.. + Với gia đình: Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau,...có tình yêu gia đình mới có tình yêu quê hương, đất nước. + Với cá nhân: Phải có ý thức trách nhiệm với bản thân hoàn thành tốt nhiệm vụ hằng ngày để góp phần xây dựng quê hương tốt đẹp hơn,... Tình yêu đất nước là một tình cảm giản dị nhưng thiêng liêng và cao quý vô cùng.	1,0

		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
2		Cảm nhận của anh(chị) về hình tượng nhân vật T'nu trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét khí phách kiên cường, gan dạ qua hình ảnh đôi bàn tay của người cách mạng T'nu trong truyện ngắn "Rừng xà nu" của Nguyễn Trung Thành.	5,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề nghị luận	0,25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Cảm nhận hình tượng nhân vật T'nu. Từ đó, nhận xét được khí phách kiên cường, gan dạ qua hình ảnh đôi bàn tay của người cách mạng T'nu.	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau:	
		*Khái quát vài nét về tác giả và nhân vật Nguyễn Trung Thành đã rất thành công với nghệ thuật điển hình hóa nhân vật, đặc biệt là T'nu với hình ảnh bàn tay mười ngón bị đốt cụt, mỗi ngón một đốt, có thể được coi là trung tâm của mọi vẻ đẹp của nhân vật.	0,5
		*Về nội dung - Đôi bàn tay của sự yêu thương sâu thẳm: Tnú với đôi bàn tay trắng nháy vào giữa lòng giặc quyết tâm sống chết cùng với mẹ con Mai. Đôi tay rắn chắc như lim của một người đàn ông với trách nhiệm bảo vệ gia đình. - Đôi bàn tay của sự đau thương mất mát và sự kiên cường mạnh mẽ: + Giặc đốt đôi bàn tay của Tnú nhưng anh không hề kêu rên một tiếng nào, trong mắt anh là sự kiên cường, thủy chung với cách mạng, không chịu khuất phục trước những trò bẩn thỉu của bọn giặc hung tàn. + Đôi tay của Tnú cũng là đại diện tố cáo tội ác của quân giặc, là hình ảnh đau thương ám ảnh của nhân dân ta trong những năm tháng chiến tranh ác liệt. - Đôi bàn tay của người anh hùng tàn nhưng không phế, của lý tưởng cách mạng, đôi bàn tay của ký ức không bao giờ quên. + Gợi nhắc Tnú những mối hận nước thù nhà sâu sắc làm sáng rõ thêm lý tưởng sống và chiến đấu để trả thù. + Bị kịch cuộc đời, đã khiến Tnú càng thêm mạnh mẽ, gan lì trong chiến đấu, giờ đây anh chẳng cần vũ khí, chỉ một đôi bàn tay không lành lặn cũng có thể giết chết quân thù.	0,5 0,5 0,5
		*Về nghệ thuật - Dùng phép liệt kê, tăng tiến: Nhằm tố cáo tội ác man rợ của kẻ thù. - Ca ngợi tinh thần trung thành cách mạng, bản lĩnh kiên cường, dũng cảm của nhân vật Tnú. Đó còn là biểu tượng bi hùng, giàu chất sử thi và cảm hứng lãng mạn.	1,0
		*Đánh giá về đôi bàn tay bị đốt từng ngón - Ngón tay có sức tố cáo tội ác dã man của kẻ thù (thằng Dục), chúng chọn ngón tay để đốt vì chúng biết T'nu sẽ đau đớn, không thể chịu nổi cực hình, đồng thời uy hiếp dân làng, buộc họ phải bỏ mạng cầm giáo mác chống lại chúng. - Ngón tay bị đốt trở thành ngọn đuốc sống, gợi vẻ đẹp bi hùng, đậm chất sử thi và lãng mạn. - Ngón tay thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng của người chiến sĩ cộng sản trong cuộc chiến đấu không cân sức với kẻ thù.	1,0

		d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận	0,25
		e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25
		Tổng điểm I+II	10,0

ĐỀ 72	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Em yêu từng sợi nắng cong
 Bức tranh thủy mặc dòng sông con đò
 Em yêu chao liệng cánh cò
 Cánh đồng mùa gặt lượn lờ vàng ươm
 Em yêu khói bếp vương vương
 Xám màu mái lá mấy tầng mây cao
 Em yêu mơ ước đủ màu
 Cầu vồng ẩn hiện mưa rào vừa qua
 Em yêu câu hát ơi à
 Mồ hôi cha mẹ mặn mà sớm trưa
 Em yêu cánh võng đong đưa
 Cánh diều no gió chiều chưa muốn về
 Đàn trâu thong thả đường đê
 Chon von lá hát vọng về cỏ lau
 Trăng lên lốm đốm hạt sao
 Gió sông rười rượi hoa màu thiên nhiên
 Em đi cuối đất cùng miền
 Yêu quê yêu đất gắn liền bước chân.

(Yêu lắm quê hương, Hoàng Thanh Tâm)

Câu 1. (0,5 điểm) Cảnh vật quê hương được cảm nhận bằng những giác quan nào?

Câu 2. (0,5 điểm) Nêu tác dụng phép điệp trong bài thơ.

Câu 3. (1,0 điểm) Anh/chị hiểu nội dung các dòng thơ sau như thế nào?

Đàn trâu thong thả đường đê

Chon von lá hát vọng về cỏ lau

Trăng lên lốm đốm hạt sao

Gió sông rười rượi hoa màu thiên nhiên

Câu 4. (1,0 điểm) Hai câu kết của bài: “Em đi cuối đất cùng miền/ Yêu quê yêu đất gắn liền bước chân” gợi suy nghĩ gì?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Câu 1. (2,0 điểm)

Từ nội dung bài thơ ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về **vai trò của tình yêu quê hương đất nước trong cuộc sống con người**.

Câu 2. (5,0 điểm)

Làng ở trong tầm đại bác của đồn giặc. Chúng nó bắn, đã thành lệ, mỗi ngày hai lần, hoặc buổi sáng sớm và xế chiều, hoặc đứng bóng và sẩm tối, hoặc nửa đêm và trở gà

gáy. Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn. Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.

Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khoẻ như vậy. Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời. Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng luồng lớn thẳng tắp, lỏng lách vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng. Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết. Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng. Chúng vượt lên rất nhanh, thay thế những cây đã ngã... Cứ thế hai ba năm nay rừng xà nu ưỡn tấm ngực lớn của mình ra, che chở cho làng...

Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời.

(Trích **Rừng xà nu** – Nguyễn Trung Thành, *Ngữ văn 12*, Tập 2, trang 38, NXB Giáo dục Việt Nam, 2008)

Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trên. Từ đó nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.

HẾT HƯỚNG DẪN CHẤM

- Thầy cô cần quan sát bài làm của học sinh một cách tổng quát, tránh đếm ý cho điểm.
- Trân trọng những bài viết có suy nghĩ mới lạ, độc đáo.
- Điểm thành phần tính đến 0,25. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	3.0
	1	Cảnh vật quê hương được cảm nhận không chỉ bằng thị giác, vị giác và cả thính giác.	0.5
	2	-Phép điệp: điệp từ: “yêu” (9 lần), “em yêu” (6 lần) -Tác dụng: nhấn mạnh hình ảnh được gọi trong bài thơ. Qua đó thể hiện tình cảm của tác giả dành cho thiên nhiên, dành cho quê hương xứ sở, một tình yêu gắn bó tha thiết với quê hương tươi đẹp.	0.5
	3	Cách hiểu nội dung các dòng thơ: - Đây là những hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam. Tác giả đã miêu tả ban ngày có “đàn trâu thông thả”, ban đêm thì có bầu trời “lốm đốm hạt sao”, thể hiện được vẻ đẹp giản dị, sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người; - Tâm hồn thật phong phú, giác quan nhạy bén, tinh tế của nhân vật trữ tình “em”.	1.0
	4	Hai câu kết của bài: “ <i>Em đi cuối đất cùng miền/ Yêu quê yêu đất gắn liền bước chân</i> ” gợi suy nghĩ: tình yêu quê hương của nhân vật trữ tình “em” không bó hẹp ở một miền đất cụ thể mà mở rộng đến nhiều miền quê, vùng đất khác của đất nước. Tác giả đã khéo sử dụng hai từ <i>yêu</i>	1.0

		trong vế đầu câu thơ “ <i>Yêu quê yêu đất</i> ” để nói lên tình yêu song hành ấy là hành trang, là động lực tiếp thêm sức mạnh để mỗi con người mang theo mình trong suốt hành trình tạo dựng cuộc sống, góp phần dựng xây quê hương, đất nước mình mỗi ngày thêm giàu đẹp.	
II		Làm văn	
	1	Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/ chị hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ về vai trò của tình yêu quê hương đất nước trong cuộc sống con người.	2.0
		a. Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 200 chữ Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng -phân-hợp, song hành hoặc móc xích.	0.25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận về một vấn đề xã hội: vai trò của tình yêu quê hương đất nước trong cuộc sống con người.	0.25
		c. Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ về vai trò của tình yêu quê hương đất nước trong cuộc sống con người. Có thể triển khai theo hướng sau: -Tình yêu quê hương đất nước: là tình cảm gắn bó sâu sắc, chân thành đối với những sự vật và con người nơi ta được sinh ra và lớn lên. -Vai trò của tình yêu quê hương đất nước: + Là chỗ dựa tinh thần cho con người: các nghệ sĩ sáng tác, các tác phẩm văn học ra đời; +Là động lực cho chúng ta có trách nhiệm với quê hương và yêu quê hương hơn; +Giúp mỗi con người sống tốt hơn trong cuộc đời, không quên nguồn cội; +Nâng cao ý chí quyết tâm vươn lên của mỗi con người;thúc đẩy sự phấn đấu hoàn thiện bản thân và tinh thần cống hiến giúp đỡ cộng đồng của mỗi cá nhân; +Gắn kết cộng đồng, giúp con người xích lại gần nhau hơn trong mối quan hệ thân hữu tốt đẹp. -Bài học nhận thức và hành động: +Về nhận thức: bản thân phải hiểu được vai trò, ý nghĩa của tình yêu quê hương, đất nước, từ đó xác định lối sống có lí tưởng, có tình yêu cao đẹp; + Về hành động: tích cực học tập, rèn luyện, biết đấu tranh, lên án những hành vi trái với chuâm mực đạo đức và pháp luật.	1.00
		d. Sáng tạo Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.25
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0.25
	2	Cảm nhận của anh/ chị về vẻ đẹp hình tượng cây xà nu trong đoạn trích trên. Từ đó, nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	5.0
		1. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	0.25
		2. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận Cảm nhận về vẻ đẹp hình tượng cây xà nu; nhận xét bút pháp miêu tả	0.25

	thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành.	
	3. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Cụ thể: 3.1 Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận	0.5
	3.2 Cảm nhận nội dung, nghệ thuật vẽ đẹp hình tượng cây xà nu: a. Về nội dung: - Cây xà nu, rừng xà nu đau thương trong bom đạn: + “<i>Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị chặt đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn</i>”→ cây xà nu, rừng xà nu như một sinh thể có hồn, mang dáng vẻ của một con người, một tập thể đang chịu đựng trước sự tàn phá do bom đạn của đế quốc. + “<i>Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết</i>”→ gọi sự hủy diệt, tàn bạo. - Cây xà nu, rừng xà nu vươn mình trời dậy: +Rừng xà nu nằm cạnh con nước lớn ngang tầm đạn đại bác của giặc, mỗi ngày đều chịu sự tàn phá khốc liệt do bom đạn của kẻ thù, nhưng cây xà nu vẫn vươn mình trời dậy, đón nhận ánh sáng của mặt trời, toát lên một sức sống mãnh liệt, hiên ngang, bất khuất như tinh thần bất khuất của người dân Tây Nguyên trước kẻ thù, với hình ảnh: “<i>Cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời</i>” chứng tỏ sức sống tiềm tàng của cây xà nu thật mãnh liệt và vẻ đẹp về tinh thần bất khuất của người dân Xô Man thời chống Mỹ. +Sức sống của cây xà nu vẫn hiên ngang, ngạo nghễ thách thức trước bom đạn kẻ thù với hình ảnh nhân hóa độc đáo, sáng tạo qua ngòi bút của Nguyễn Trung Thành: “<i>Có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao, lông vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, những vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng</i>”. Qua đoạn văn miêu tả vừa hiện thực vừa lãng mạn, tác giả khắc họa hình ảnh cây xà nu mang một sức sống tiềm tàng, bất diệt. Nó có sức đề kháng rất mãnh liệt trước bom đạn tối tân của đế quốc, toát lên một dáng vẻ mạnh mẽ cường tráng, ngạo nghễ, cho chúng ta liên tưởng tinh thần bất khuất của người dân Xô Man dù đối diện trước bom đạn cùng hành động tàn bạo, khủng bố, dã man của kẻ thù, nhưng không thể nào dập tắt ngọn lửa đấu tranh của họ. Họ vẫn bất khuất kiên cường dưới ngọn cờ cách mạng. Đúng như lời nói cụ Mết: “<i>Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo!..., Đảng còn, núi nước này còn</i>”. - Cây xà nu, rừng xà nu sừng sững tiếp nối bất diệt. + Nhưng lạ thay, đã bao năm qua, cây xà nu, rừng xà nu vẫn sinh sôi nảy lộc, vươn mình khoe sắc dưới ánh sáng mặt trời, rừng Xà nu vẫn “<i>ưỡn tấm ngực lớn của mình ra che chở cho làng</i>”. Một hình ảnh so sánh nhân hóa độc đáo, toát lên vẻ đẹp giữa thiên nhiên và con	2.0

	người Tây Nguyên thật kiên cường bất khuất. +Nhà văn tiếp tục khám phá sức sống của cây xà nu, rừng xà nu thật mãnh liệt bền vững đó là hình ảnh: “<i>Đứng trên đồi xà nu ấy trông ra xa, đến hết tầm mắt cũng không thấy gì khác ngoài những đồi xà nu nối tiếp tới chân trời</i>”. Với nghệ thuật nhân hóa, tăng cấp, tác giả thổi vào cây xà nu có một sức sống bất diệt, nó vượt lên sự khắc nghiệt do bom đạn của đế quốc. Nó vẫn đứng sừng sững kiên cường giữa vùng đất Tây Nguyên anh dũng là vẻ đẹp về tinh thần đấu tranh bất khuất bền bỉ của người dân Tây Nguyên thời chống Mỹ. b. Về nghệ thuật: Hình tượng cây xà nu được xây dựng bằng nghệ thuật độc đáo: - Kết hợp miêu tả bao quát lẫn cụ thể, khi dựng lên hình ảnh cả khu rừng, khi đặc tả cận cảnh một số cây. - Phối hợp cảm nhận của nhiều giác quan trong việc miêu tả những cây xà nu với vóc dáng đầy sức lực, tràn trề mùi nhựa thơm, ngời xanh dưới ánh nắng... - Miêu tả cây xà nu trong sự so sánh, đối chiếu thường xuyên với con người. Các hình thức nhân hóa, ẩn dụ, tượng trưng đều được vận dụng nhằm thể hiện sống động vẻ hùng vĩ, khoáng đạt của thiên nhiên đồng thời gợi nhiều suy tưởng sâu xa về con người, về đời sống. - Giọng văn đầy biểu cảm với những cụm từ được lặp đi lặp lại gây cảm tưởng đoạn văn giống như một đoạn thơ trữ tình. 3.3 Nhận xét bút pháp miêu tả thiên nhiên của nhà văn Nguyễn Trung Thành: Tác giả đã sử dụng bút pháp miêu tả giàu chất sử thi và cũng rất lãng mạn, bay bổng: - Đối lập giữa sự tàn khốc của chiến tranh với sức sống của cây xà nu; - Tạo dựng được một bức tranh hoành tráng và đầy lãng mạn về cây xà nu, rừng xà nu (không gian ngút ngàn và hình tượng cây xà nu khoẻ khoắn, mạnh mẽ, ham ánh sáng, khí trời, tràn đầy sinh lực, căng đầy nhựa sống,...). - Ngôn ngữ miêu tả trong đoạn trích khi mạnh mẽ, hùng tráng khi tha thiết, tự hào; vừa lãng mạn bay bổng vừa trữ tình sâu lắng... Mạnh mẽ, hùng tráng khi miêu tả, nhấn mạnh sự khốc liệt của chiến tranh; tha thiết, tự hào khi miêu tả sức sống kì diệu của cây xà nu. - Điểm nhìn mang tính sử thi và cảm hứng lãng mạn: đó là một cái nhìn thể hiện sự khâm phục, trân trọng và ngưỡng vọng đối với cái cao cả; đó là cảm hứng ngợi ca, tôn vinh cái hùng, cái đẹp của thiên nhiên và con người.	1.0
	4. <i>Sáng tạo</i> Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	0.5
	5. <i>Chính tả, dùng từ, đặt câu</i> Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu	0.25

ĐỀ 73	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	---

I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách – bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chinh bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết **Suối nguồn**, Ayn Rand, NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr 174)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Nêu phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Cách loài người có thể tồn tại được tác giả nêu ra trong đoạn trích?

Câu 3. Theo anh (chị) việc tác giả khẳng định: “Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng” có ý nghĩa gì?

Câu 4. Anh (chị) có đồng tình với ý kiến sau không: “Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác.”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2 (5.0 điểm)

*Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc
Quân xanh màu lá dữ oai hùm
Mắt trừng gửi mộng qua biên giới
Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm
Rải rác biên cương mồ viễn xứ
Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh
Áo bào thay chiếu anh về đất
Sông Mã gầm lên khúc độc hành*

(Tây Tiến – Quang Dũng, *Ngữ văn 12*, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr 89)

Cảm nhận của anh/chị về hình ảnh người lính trong đoạn thơ trên. Từ đó, nhận xét về cách nhìn hiện thực cuộc sống kháng chiến của nhà thơ Quang Dũng.

ĐÁP ÁN – THANG ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Phương thức biểu đạt nghị luận / nghị luận.	0.5
	2	Theo tác giả, loài người chỉ có thể tồn tại được theo sự lựa chọn một trong hai cách: <i>bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám nhờ bộ óc của những người khác.</i>	0.5

	3	Việc tác giả khẳng định: “ <i>Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần – anh ta phải làm ra chúng</i> ” có ý nghĩa: – Con người cần phải lao động, sáng tạo để tồn tại. – Nhắc nhở mỗi người phải làm việc, không ăn bám, không lười biếng.	1
	4	Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình, hoặc đồng tình một phần nhưng phải có lí giải hợp lí, thuyết phục.	1
II		LÀM VĂN	7.0
	1	Viết một đoạn văn	2.0
		<i>a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn</i> Học sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân – hợp, móc xích hoặc song hành.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hậu quả của lối sống ăn bám.	0.25
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Học sinh có thể lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ <i>hậu quả của lối sống ăn bám</i> . Có thể triển khai theo hướng: – Trong điều kiện bình thường, lối sống ăn bám là một thói tật xấu của con người, là khi con người sống dựa dẫm, phụ thuộc, lợi dụng người khác để mưu sinh, mưu lợi cho bản thân mình. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người thường có thái độ ỷ lại, thiếu tự lập, thiếu sáng tạo, không có kĩ năng sống, không đủ sức vượt qua những thử thách trong cuộc đời. – Khi sống theo kiểu ăn bám, con người hạ thấp giá trị, nhân cách, dễ đánh mất bản thân mình. – Một xã hội tồn tại nhiều kẻ ăn bám, xã hội không thể phát triển.	1
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.25
		<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25
	2	Cảm nhận hình ảnh người lính trong đoạn thơ, nhận xét cách nhìn hiện thực cuộc sống kháng chiến của nhà thơ Quang Dũng.	5.0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0.25
		<i>b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận</i> Hình ảnh người lính trong đoạn thơ và cách nhìn hiện thực cuộc sống kháng chiến của nhà thơ.	0.50
		<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Thí sinh có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu cơ bản sau:	

	<i>c.1. Giới thiệu về tác giả, tác phẩm và vấn đề cần nghị luận</i>	0.50
	<i>c.2. Cảm nhận về hình ảnh người lính trong đoạn thơ</i> - người lính với vẻ đẹp bi tráng ở dáng vẻ tiêu tụy nhưng vẫn khác thường, oai phong,凛冽. - người lính với vẻ đẹp hào hoa, lãng mạn, đa tình. - người lính với lí tưởng sống cao đẹp, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì đất nước. - người lính với cái chết đậm màu bi tráng. Nghệ thuật: Giọng điệu trang trọng, hào hùng; hình ảnh thơ giàu liên tưởng; từ ngữ gợi cảm, từ Hán Việt cô kính, biện pháp đảo ngữ, nói giảm...	2
	<i>c.3. Nhận xét cách nhìn hiện thực cuộc sống kháng chiến...</i> - Cách nhìn thẳng, chân thực về cuộc sống kháng chiến với những gian khổ, mất mát, hi sinh; về tâm hồn người lính trẻ trung nhiều mơ mộng; về khí chất anh hùng lãng mạn của tầng lớp thanh niên một thời. - Cách nhìn ấy đã tạo nên giá trị hiện thực lâu bền của bài thơ và để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc nhiều thế hệ.	1
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0.5
	TỔNG ĐIỂM	10

ĐỀ 74	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU: (3 điểm)

Đọc đoạn trích:

Đọc *Vợ nhặt*, ta vẫn thường thấy ở Kim Lân một tấm lòng thật đôn hậu, ông trân trọng phẩm giá con người, nhất là những người nông dân cùng khổ. Chính vì vậy mà trong Tràng bao nhiêu vẻ đẹp: yêu thương, san sẻ, hiếu thảo, có trách nhiệm với vợ con. Song nếu chỉ có ngần ấy thôi thì tôi e rằng gương mặt nhân vật sẽ nhòa đi đến bao nhiêu so với hàng loạt nhân vật chung phẩm chất. Cái làm nên nét đặc biệt ở Tràng chính là một khát vọng hạnh phúc đến đáng kính. Và làm nên cái duyên văn ở Kim Lân trong xử lí nhân vật là đã tìm ra một tình huống độc đáo: Một cuộc đấu giá hạnh phúc, từ đó mở ra kho tàng khát vọng kín giấu ở con người nghèo khổ chân giá. Đó là cái tài, cũng là cái tình ở nhà văn Kim Lân.

(Nguyễn Tấn Ái - *Một cuộc đấu giá hạnh phúc*, in trong tập “Bức giảng trang xưa”, NXB Hội nhà văn, 2018, trang 75)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Trong đoạn trích, nhân vật Tràng có những vẻ đẹp nào?

Câu 2: Theo tác giả, điều gì đã làm nên nét đặc biệt ở nhân vật Tràng?

Câu 3: Anh/ chị hiểu như thế nào về cái “*kho tàng khát vọng kín giấu ở con người*” mà tác giả đã đề cập trong đoạn trích?

Câu 4: Anh/Chị có đồng tình với ý kiến của tác giả: “*Và làm nên cái duyên văn ở Kim Lân trong xử lý nhân vật là đã tìm ra một tình huống độc đáo*” không? Vì sao?

II. LÀM VĂN:(7 điểm)

Câu 1: (2 điểm)

Từ nội dung đoạn trích của phần Đọc hiểu, hãy viết 01 đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày ý kiến của anh/chị về hạnh phúc.

Câu 2: (5điểm)

Anh (chị) hãy phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ “Đất Nước” (trích trường ca “Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm:

“ Trong anh và em hôm nay
Đều có một phần Đất Nước
Khi hai đứa cầm tay
Đất Nước trong chúng ta hài hòa nồng thắm
Khi chúng ta cầm tay mọi người
Đất Nước vẹn tròn, to lớn
Mai này con ta lớn lên
Con sẽ mang Đất nước đi xa
Đến những tháng ngày mơ mộng
Em ơi em Đất Nước là máu xương của mình
Phải biết gắn bó và san sẻ
Phải biết hóa thân cho dáng hình xứ sở
Làm nên Đất Nước muôn đời”

(Ngữ văn 12, tập 1, Nxb giáo dục, 2008, trang 119-120)

.....Hết.....

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

C/ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. Hướng dẫn chung

- Thầy cô giáo cần nắm bắt được nội dung trình bày của học sinh để đánh giá một cách tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Cần chủ động và linh hoạt khi vận dụng Hướng dẫn chấm này.
- Trân trọng những bài viết có cách nhìn riêng, cách trình bày riêng.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0,25đ.

B. Hướng dẫn cụ thể:

I. ĐỌC HIỂU:	3,0
1. Vẻ đẹp của nhân vật Tràng: yêu thương, san sẻ, hiếu thảo, có trách nhiệm với vợ con	0,5
2. Theo tác giả, điều làm nên nét đặc biệt ở nhân vật Tràng là một khát vọng hạnh phúc đến đáng kính.	0,5
3 Kho tàng khát vọng kín giấu ở con người là: - Những khát vọng chính đáng về cuộc sống, về tình yêu, hạnh phúc trong mỗi con người nhưng không dễ nhận ra./ Khát vọng ẩn giấu bên trong của mỗi con	1,0

người.	
4. Có thể đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình hoặc đồng tình một phần với ý kiến của tác giả. Miễn là thí sinh có cách lý giải thuyết phục. Ví dụ: Đồng tình với ý kiến của tác giả <i>Và làm nên cái duyên văn ở Kim Lân trong xử lý nhân vật là đã tìm ra một tình huống độc đáo</i> . Vì thông qua tình huống truyện, những phẩm chất, vẻ đẹp của nhân vật được bộc lộ rõ nét. Tình huống truyện đã tạo được sự hấp dẫn cho thiên truyện...	1,0
II. LÀM VĂN:	7,0
Câu 1	2,0
1.1/ Yêu cầu chung: Thí sinh biết kết hợp kiến thức (sách vở, đời sống) và kỹ năng tạo lập đoạn văn để làm bài. Đoạn văn phải đúng hướng, rõ ràng, chặt chẽ, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
1.2/ Yêu cầu cụ thể:	
a/ Đảm bảo cấu trúc một đoạn nghị luận.	0,25
b/ Xác định đúng vấn đề nghị luận: Bàn về hạnh phúc.	0,25
c/ Triển khai vấn đề cần nghị luận: Định hướng chính: - Hạnh phúc là một trạng thái tâm lý của con người khi ta cảm thấy thỏa mãn một nhu cầu nào đó trong cuộc sống. Đó là một khái niệm thuộc phạm vi đời sống tinh thần của con người. Đó là trạng thái tinh thần lý tưởng nhất mà con người theo đuổi và đạt được. - Hạnh phúc không quá xa với mà rất đổi gần gũi - Biểu hiện của hạnh phúc: đối với mỗi người mỗi lứa tuổi thì niềm hạnh phúc sẽ khác nhau, bên cạnh đó còn tùy theo hoàn cảnh, công việc, ... Hạnh phúc là do con người tự định đoạt, tự đón đợi, vậy nên hạnh phúc không phải là sống dựa dẫm, ỷ lại trông chờ hoặc theo đuổi những hạnh phúc viễn vông, mơ hồ. - Đôi khi hạnh phúc là mang lại hạnh phúc cho người khác	1.0
d/ Chính tả, dung từ, đặt câu: Đảm bảo chuẩn chỉ nh tả, ngữ nghĩa, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
e/ Sáng tạo Có cách diễn đạt mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận	0,25
Câu 2	5,0
2.1/ Yêu cầu chung: - Thí sinh biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tổ chức bài văn nghị luận văn học. - Bài viết phải có bố cục đầy đủ, rõ ràng; văn viết có cảm xúc; thể hiện khả năng cảm thụ văn học tốt; diễn đạt trôi chảy, đảm bảo tính liên kết, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
2.2/ Yêu cầu cụ thể:	
a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: Mở bài nêu được vấn đề nghị luận. Thân bài triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. Kết bài đánh giá, kết luận được vấn đề.	0,25
b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích đoạn thơ sau trong bài thơ “Đất Nước” (trích trường ca “ Mặt đường khát vọng” của Nguyễn Khoa Điềm:	0,25

“ Trong anh và em hôm nay ... Làm nên Đất Nước muôn đời”	
3/ Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm, thể hiện sự phân tích sắc sảo và vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng	
c. Triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề nghị luận: Trên cơ sở những hiểu biết về nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm và đoạn thơ “ Đất Nước”, học sinh biết phân tích những yếu tố nghệ thuật để làm rõ ý niệm Đất nước trong đoạn thơ trích. Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được ý cơ bản: * Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và đoạn thơ * Cảm nhận về đoạn thơ: - Nội dung: + Đất nước có trong cuộc sống của mỗi người, trong anh và em, trong mỗi cá thể đều có một phần Đất Nước. Khi có sự kết hợp giữa các cá thể lại với nhau thì tạo nên sự bền chặt đầy sức sống. + Đất nước sẽ được thế hệ mai sau(con ta lớn lên) sẽ mang Đất nước đi xa để làm cho đất nước tốt đẹp hơn, phồn vinh hơn. + Đất nước chính là sinh mệnh, là máu xương của mình, phải biết quý, phải biết giữ gìn, phải biết “ gắn bó và san sẻ”, hi sinh cái riêng hòa vào cái chung “ hóa thân cho dáng hình xứ sở”. Có vậy Đất Nước mới bền vững muôn đời. - Nghệ thuật: Thể thơ tự do, vận dụng chất liệu văn hóa dân gian, nhịp điệu thơ linh hoạt, kết hợp chính luận và trữ tình, suy tưởng và cảm xúc... - Đánh giá: Đoạn trích thể hiện những suy ngẫm mới mẻ, sâu sắc của Nguyễn Khoa Điềm về Đất Nước. Hình tượng Đất Nước được thể hiện bằng thể thơ tự do, linh hoạt với chất liệu thi ca được lấy từ kho tàng văn hóa, văn học dân gian, góp phần khẳng định tư tưởng Đất Nước của Nhân dân,	0,5 2,5 0,5 0,5
4/ Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận	0,25
5/ Chính tả, dùng từ, đặt câu: Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	0,25
ĐIỂM TOÀN BÀI THI: I +II = 10,0 điểm	

ĐỀ 75	ĐỀ THI THỬ THPT QUỐC GIA 2020 MÔN NGỮ VĂN <i>Thời gian: 120 phút</i>
--------------	--

I. ĐỌC HIỂU (3,0 đ) Đọc đoạn trích:

Loài người không được cho sẵn bất cứ cái gì trên mặt đất này. Tất cả những gì anh ta cần - anh ta phải làm ra chúng. Và ở đây loài người đối mặt với sự lựa chọn cơ bản nhất của mình: anh ta chỉ có thể tồn tại được theo một trong hai cách - bằng cách làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta, hay là trở thành một kẻ ăn bám sống nhờ bộ óc của những người khác. Người sáng tạo

chọn cách thứ nhất. Kẻ ăn bám thì chọn cách thứ hai. Người sáng tạo một mình đối mặt với tự nhiên. Kẻ ăn bám đối mặt với tự nhiên thông qua những trung gian.

Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người.

Người sáng tạo sống với lao động của mình. Anh ta không cần ai khác. Mục đích cơ bản của anh ta là chính bản thân anh ta. Kẻ ăn bám sống cuộc đời thứ cấp. Anh ta cần những người khác. Những người khác trở thành động lực chính của anh ta.

(Trích tiểu thuyết *Suối nguồn*, Ayn Rand, NXB Trẻ, TP HCM, 2017, tr.1174)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1. Xác định thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 2. Trong đoạn trích, tác giả đã nhắc đến những đặc điểm nào của người sáng tạo?

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp điệp được sử dụng trong đoạn trích?

Câu 4. Anh/Chị có đồng tình với ý kiến: *Mối quan tâm của người sáng tạo là chinh phục tự nhiên. Còn mối quan tâm của kẻ ăn bám là chinh phục con người?* Vì sao?

II. LÀM VĂN

(7,0 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm)

Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ về hậu quả của lối sống ăn bám.

Câu 2(5.0 điểm)

Trong truyện ngắn *Chiếc thuyền ngoài xa*, nhà văn Nguyễn Minh Châu hai lần để người người đàn bà kể về hành động đánh vợ của người đàn ông. “*Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu...*” và “*Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão...đưa tôi lên bờ mà đánh...*”

(Trích “*Chiếc thuyền ngoài xa*”, Nguyễn Minh Châu, **Ngữ văn 12**, Tập hai, NXB Giáo dục, 2017, tr.76)

Cảm nhận của anh/ chị về hình ảnh người đàn ông trong hai lời kể trên.

- Hết-

Gợi ý đáp án

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Thao tác lập luận chính được sử dụng trong đoạn trích là: thao tác lập luận so sánh/so sánh.	0.5
	2	Những đặc điểm của người sáng tạo mà tác giả nhắc đến trong đoạn trích: làm việc độc lập với bộ óc của riêng anh ta; một mình đối mặt với tự nhiên; mối quan tâm là chinh phục tự nhiên; sống với lao động của mình, không cần ai khác; mục đích cơ bản của anh ta là chính bản thân anh ta.	0.5
	3	- Phép điệp được sử dụng ở những câu văn bắt đầu bằng từ: <i>Người sáng tạo...; Kẻ ăn bám....</i> - Tác dụng: khiến cho lời văn giàu nhạc điệu; nhấn mạnh những đặc điểm khác nhau giữa người sáng tạo và kẻ ăn bám; thể hiện rõ quan điểm, thái độ của tác giả.	0.25 0.75
	4	- Thí sinh có thể đồng tình, không đồng tình hoặc đồng tình một phần - Lí giải hợp lí, thuyết phục.	0.25 0.75
II		LÀM VĂN	7.0
	Câu 1	Trình bày suy nghĩ về hậu quả của lối sống ăn bám.	2.0
		a. Đảm bảo yêu cầu về hình thức đoạn văn	0.25

	Thí sinh có thể trình bày đoạn văn theo cách diễn dịch, quy nạp, tổng – phân - hợp, móc xích hoặc song hành.	
	<i>b. Xác định đúng vấn đề nghị luận</i> Hậu quả của lối sống ăn bám.	0.25
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận</i> Thí sinh lựa chọn các thao tác lập luận phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận theo nhiều cách nhưng phải làm rõ hậu quả của lối sống ăn bám. Có thể theo hướng sau: - Lối sống ăn bám là khi con người sống dựa dẫm, phụ thuộc, kí sinh, lợi dụng người khác để mưu lợi cho bản thân mình. - Khi sống theo kiểu ăn bám, con người thường có thái độ ỷ lại, thiếu tự lập, không có kĩ năng sống, không đủ sức đề kháng với những thử thách trong cuộc đời. - Khi sống theo kiểu ăn bám, con người hạ thấp giá trị, nhân cách, dễ đánh mất cái tôi của mình. - Một xã hội tồn tại nhiều kẻ ăn bám, xã hội không thể phát triển.	1.0
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0.25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ.	0.25

II. Làm Văn: (5.0 điểm)		
1.	Yêu cầu chung: Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận: <i>Mở bài</i> nêu được vấn đề nghị luận. <i>Thân bài</i> triển khai các luận điểm để giải quyết vấn đề. <i>Kết bài</i> đánh giá, kết luận được vấn đề.	0.5
2.	Yêu cầu về kiến thức:	
a.	Xác định đúng vấn đề nghị luận: Cảm nhận hình ảnh người đàn ông trong hai lời kể của người vợ.	0.5
b.	Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể trình bày hệ thống các luận điểm theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các nội dung sau: - Giới thiệu khái quát về tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận. - Cảm nhận về hình ảnh người đàn ông + Giới thiệu ngắn gọn về người đàn ông + Hình ảnh người đàn ông qua hành động 1: “ <i>Bất kể lúc nào thấy khổ quá là lão xách tôi ra đánh, cũng như đàn ông thuyền khác uống rượu</i> : * Người đàn ông không uống rượu như bao người đàn ông hàng chài khác cùng cảnh ngộ- “ <i>khổ quá</i> ”. *Điều đó chứng tỏ người đàn ông tinh táo, ý thức rất rõ hành động của mình.	0.5 2.0

	-> Hành động này chứng tỏ sự bế tắc cùng cực, người đàn ông đã chọn cách giải tỏa áp lực một cách tiêu cực. + Hình ảnh người đàn ông qua hành động 2 “<i>Sau này con cái lớn lên, tôi mới xin được với lão...đưa tôi lên bờ mà đánh...</i>”: * Chấp nhận lời cầu xin của vợ, đánh vợ trên bờ thay vì trước mặt những đứa con khôn lớn *Điều đó cho thấy trong sâu thẳm, người đàn ông tình phụ tử vẫn còn tồn tại, vẫn còn chút lương tri như bản chất lương thiện ban đầu. - <i>Đánh giá chung:</i> + Hình ảnh người đàn ông qua hai lời kể của người đàn bà cho ta thấy cần có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống và con người; báo động hậu quả tình trạng bạo lực gia đình,... + Cách xây dựng tình huống nhận thức, miêu tả nhân vật, chọn chi tiết độc đáo,...	1.0 0.5
c.	Chính tả, dùng từ, đặt câu: văn viết đúng chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
d.	Sáng tạo: Có cách diễn đạt sáng tạo, cảm nhận mới mẻ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận.	0,25